**Chi tiết thủ tục hành chính**

**Mã thủ tục:** 1.001001.000.00.00.H25

**Số quyết định:** 1362/QĐ-UBND

**Tên thủ tục:** Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo

**Cấp thực hiện:** Cấp Bộ, Cấp Tỉnh

**Loại thủ tục:** TTHC được luật giao quy định chi tiết

**Lĩnh vực:** Đăng kiểm

**Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC: - Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế đến Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải (cơ quan thẩm định thiết kế).

b) Giải quyết TTHC: - Cơ quan thẩm định thiết kế tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ: Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trong 02 ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác); - Cơ quan thẩm định thiết kế tiến hành thẩm định thiết kế theo quy định: Nếu thiết kế đạt yêu cầu, sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thiết kế, cơ quan thẩm định thiết kế cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế. Trường hợp không cấp, cơ quan thẩm định thiết kế thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả thẩm định.

**Cách thức thực hiện:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức nộp** | **Thời hạn giải quyết** | **Phí, lệ phí** | **Mô tả** |
| Trực tiếp | 5 Ngày làm việc | Lệ phí : (Lệ phí cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo 50.000 đồng/ 01 Giấy chứng nhận (riêng đối với xe ô tô con dưới 10 chỗ: 100.000 đồng/01 Giấy chứng nhận))  Mức giá : 300.000 Đồng (Giá dịch vụthẩm định thiết kế xe cơ giới, xe máy chuyên dùng cải tạo) | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thiết kế |
| Dịch vụ bưu chính | 5 Ngày làm việc | Lệ phí : (Lệ phí cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo 50.000 đồng/ 01 Giấy chứng nhận (riêng đối với xe ô tô con dưới 10 chỗ: 100.000 đồng/01 Giấy chứng nhận))  Mức giá : 300.000 Đồng (Giá dịch vụ thẩm định thiết kế xe cơ giới, xe máy chuyên dùng cải tạo ) | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thiết kế |

**Thành phần hồ sơ:**

**Bao gồm**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên giấy tờ** | **Mẫu đơn, tờ khai** | **Số lượng** |
| - Văn bản đề nghị thẩm định thiết kế theo mẫu (Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến); | Mẫu.docx | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Hồ sơ thiết kế (02 bộ đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở cơ quan thẩm định thiết kế hoặc qua hệ thống bưu chính; hoặc 01 hồ sơ dạng điện tử đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến), hồ sơ thiết kế xe cơ giới cải tạo bao gồm: + Thuyết minh thiết kế kỹ thuật xe cơ giới theo quy định (Bản chính đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc nộp qua hệ thống bưu chính; hoặc tài liệu dạng điện tử đối với trường hợp nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến); + Bản vẽ kỹ thuật theo quy định (Bản chính đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc nộp qua hệ thống bưu chính; hoặc tài liệu dạng điện tử đối với trường hợp nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến). |  | Bản chính: 2 Bản sao: 0 |
| - Tài liệu thông số, tính năng kỹ thuật của xe cơ giới cải tạo và các tổng thành, hệ thống cải tạo, thay thế (Bản sao có xác nhận của đơn vị thiết kế hoặc bản sao điện tử đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến); |  | Bản chính: 0 Bản sao: 1 |
| - Một trong các giấy tờ sau: Giấy Đăng ký xe ô tô; Phiếu sang tên, di chuyển (đối với trường hợp đang làm thủ tục sang tên, di chuyển); Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu hoặc giấy tờ chứng nhận đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu (đối với xe cơ giới đã qua sử dụng được phép nhập khẩu, chưa có biển số đăng ký) (Bản sao có xác nhận của đơn vị thiết kế hoặc bản sao điện tử đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến). |  | Bản chính: 0 Bản sao: 1 |

**Đối tượng thực hiện:** Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Người nước ngoài, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã

**Cơ quan thực hiện:** Cục Đăng kiểm Việt Nam, Sở Giao thông vận tải

**Cơ quan có thẩm quyền:** Cục Đăng kiểm Việt Nam, Sở Giao thông vận tải

**Địa chỉ tiếp nhận HS:** Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc các Sở Giao thông vận tải

**Cơ quan được ủy quyền:** Không có thông tin

**Cơ quan phối hợp:** Không có thông tin

**Kết quả thực hiện:** Giấy chứng nhận thẩm định thiết kết xe cơ giới cải tạo

**Căn cứ pháp lý:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số ký hiệu** | **Trích yếu** | **Ngày ban hành** | **Cơ quan ban hành** |
| 199/2016/TT-BTC | Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn | 08-11-2016 | Bộ Tài chính |
| 238/2016/TT-BTC | Quy định vé giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới | 11-11-2016 | Bộ Tài chính |
| 42/2018/TT-BGTVT | Sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm | 30-07-2018 | Bộ Giao thông vận tải |

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện:** - Đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT.

**Từ khóa:** Không có thông tin

**Mô tả:** Không có thông tin